

Đơn vị: Sở Y tế Hà Tĩnh

Chương: 423

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Năm 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	3.011	3.011	0
1	Chi sự nghiệp	2.668	2.668	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.668	2.668	0
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0
2	Chi quản lý hành chính	343	343	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	343	343	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0
1	Lệ phí	0	0	0
2	Phí	0	0	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	132.778	132.778	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	132.778	132.778	0
1	Chi quản lý hành chính	14.523	14.523	0
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	12.166	12.166	0
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.357	2.357	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.494	1.494	0
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.494	1.494	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	116.760	116.760	0
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	47.957	47.957	0
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	68.803	68.803	0

Đơn vị: Sở Y tế Hà Tĩnh

Chương: 423

Số TT	Nội dung	Bệnh viện đa khoa huyện Hương Khê	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Xuyên	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà	Trung tâm Pháp y & Giám định Y khoa Hà Tĩnh	Bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Tĩnh
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
I	Số thu phí, lệ phí						
1	Lệ phí						
2	Phí						
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				1.646		
1	Chi sự nghiệp				1.646		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				1.646		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước						
1	Lệ phí						
2	Phí						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	560	99	1.551	5.669	6.051	2.517
I	Nguồn ngân sách trong nước	560	99	1.551	5.669	6.051	2.517
1	Chi quản lý hành chính						
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0	244	120
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					244	120
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	560	99	1.551	5.669	5.807	2.397
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				3.890		
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	560	99	1.551	1.779	5.807	2.397

Đơn vị: Sở Y tế Hà Tĩnh

Chương: 423

Số TT	Nội dung	Bệnh viện Mắt Hà Tĩnh	Bệnh viện Tâm thần Hà Tĩnh	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Tĩnh	Bệnh viện Phổi Hà Tĩnh	Văn phòng Sở Y tế Hà Tĩnh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Tĩnh
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí							
I	Số thu phí, lệ phí							
1	Lệ phí							
2	Phí							
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					1.330		
1	Chi sự nghiệp					987		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					987		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên							
2	Chi quản lý hành chính					343		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					343		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ							
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước							
1	Lệ phí							
2	Phí							
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	100	16.421	6.672	13.424	11.653	17.752	3.795
I	Nguồn ngân sách trong nước	100	16.421	6.672	13.424	11.653	17.752	3.795
1	Chi quản lý hành chính					8.782		
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					7.262		
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					1.520		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	40	36	1.014	0
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên							
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				40	36	1.014	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	100	16.421	6.672	13.384	2.835	16.738	3.795
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		7.809	4.578	9.596			
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	100	8.612	2.094	3.788	2.835	16.738	3.795

Đơn vị: Sở Y tế Hà Tĩnh

Chương: 423

Số TT	Nội dung	Chi cục Dân số kế hoạch hóa gia đình tỉnh Hà Tĩnh	Bệnh viện đa khoa thành phố Hà Tĩnh	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Tĩnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Tĩnh
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí					
1	Lệ phí					
2	Phí					
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				35	
1	Chi sự nghiệp				35	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				35	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước					
1	Lệ phí					
2	Phí					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.091	3.585	275	3.303	35.259
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.091	3.585	275	3.303	35.259
1	Chi quản lý hành chính	3.038			2.703	
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.648			2.256	
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	390			447	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	0	40
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					40
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.053	3.585	275	600	35.219
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					22.084
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.053	3.585	275	600	13.135